

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
Số : 190 /TTMS-NVD

V/v hoàn thiện, ký kết hợp đồng và báo cáo thực hiện quá trình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01- Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc

KHẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2018

- Kính gửi:
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,
 - Y tế các Bộ/ngành,
 - Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.
 - Công ty TNHH phân phối liên kết Quốc tế

Ngày 04/6/2017, Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm MSTTQG) đã ban hành quyết định số 14/QĐ-TTMS phê duyệt điều chỉnh bổ sung số lượng và phạm vi cung cấp thuốc thuộc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 - Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia. Trung tâm MSTT đã gửi các quyết định trên tới các cơ sở y tế và tiến hành ký kết và trao thỏa thuận khung với nhà thầu được chấp thuận hồ sơ dự thầu.

Căn cứ Khoản 7 Điều 32 Tổ chức mua thuốc tập trung cấp quốc gia của Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập, Trung tâm MSTTQG xin thông báo cụ thể như sau:

1. Các Đơn vị đầu mỗi tổng hợp và đề xuất nhu cầu sử dụng thuốc thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế thuộc phạm vi cung cấp của thỏa thuận khung.
2. Các cơ sở y tế căn cứ vào kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, thỏa thuận khung, nhu cầu và kế hoạch sử dụng thuốc của cơ sở y tế đã đăng ký với đơn vị đầu mỗi tổng hợp để hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu theo quy định tại Khoản 7 Điều 32 Tổ chức mua thuốc tập trung cấp quốc gia của Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng (từ ngày 01/7/2018 đến 30/6/2020)
3. Trung tâm MSTTQG gửi kèm công văn này các tài liệu để các Sở Y tế, Y tế các Bộ/ngành, các bệnh viện trực thuộc BYT, các cơ sở y tế chủ động trong việc hoàn thiện, ký hợp đồng và thực hiện hợp đồng:
 - Phạm vi và tiến độ cung cấp chi tiết thuốc thuộc Gói thầu số 01: Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho từng cơ sở y tế trên toàn quốc (Phụ lục 1).

- Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và thông báo thỏa thuận khung (Phụ lục 2);
 - Thỏa thuận khung đã ký kết giữa Trung tâm MSTTQG và nhà thầu (Phụ lục 3);
 - Mẫu hợp đồng theo mẫu số 16 HSMT (Phụ lục 4)
 - Điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng quy định tại hồ sơ mời thầu (HSMT) (Phụ lục 5)
4. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế: Báo cáo về Trung tâm MSTTQG việc hoàn thiện, ký kết hợp đồng giữa các cơ sở y tế với nhà thầu chậm nhất trước ngày 15/7/2018.
 5. Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng với các cơ sở y tế ký hợp đồng theo quy định tại HSMT và nộp về Trung tâm MSTTQG văn bản của các cơ sở y tế xác nhận nhà thầu đã nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng để làm căn cứ giải tỏa bảo lãnh dự thầu.
 - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Theo hình thức Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo Mẫu số 17 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu.
 - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng.
 - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.
 - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả trong vòng 20 ngày sau khi thanh lý toàn bộ hợp đồng hoặc thanh lý từng phần của hợp đồng theo hợp đồng ký kết giữa cơ sở y tế và nhà thầu.
 6. Sau khi hoàn thiện, ký kết hợp đồng với các cơ sở y tế, nhà thầu phải gửi cho Trung tâm MSTTQG 01 bản chính hợp đồng đã ký để làm căn cứ theo dõi quá trình thực hiện kết quả trúng thầu. Quá thời hạn 45 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 – Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, nếu nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng với các cơ sở y tế thì Trung tâm MSTTQG sẽ xử lý theo các quy định trong HSMT.
 7. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn có trách nhiệm cung cấp thuốc theo số lượng và tiến độ ghi trong hợp đồng đã ký với từng cơ sở y tế. Trách nhiệm của các cơ sở y tế, của Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương và của Trung tâm MSTTQG trong thực hiện, quản lý và điều tiết kế hoạch để đảm bảo sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã dự trữ được thực hiện theo Điều 31- Thông tư 11/2016/TT-BYT và theo thỏa thuận khung đã công bố.

8. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia, các cơ sở y tế và nhà thầu thực hiện chế độ báo cáo và điều tiết theo quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia đã ban hành kèm Quyết định số 06/QĐ-TTMS ngày 20/3/2018 của Trung tâm MSTTQG. Các Biểu mẫu báo cáo có thể được tải về tại địa chỉ:

<http://www.mediafire.com/?16797hl6qu2yg>

9. Từ Quý 3 năm 2018 các cơ sở y tế và nhà thầu báo cáo chi tiết tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu về Trung tâm MSTTQG bao gồm kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia các gói thầu năm 2017 và Gói thầu số 1- Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 năm 2018. Danh sách chi tiết số lượng phân bổ các thuốc trúng thầu năm 2017 và 2018 cho từng cơ sở y tế theo địa bàn tại Phụ lục 6.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa rõ, kính đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Y tế các Bộ/ngành và bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế thông báo về Trung tâm MSTT để cùng xem xét, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT.Trương Quốc Cường (để báo cáo);
- TT. Phạm Lê Tuấn (để báo cáo);
- Cục QLD, Vụ KHTC –BYT (để báo cáo);
- Các Phó Giám đốc (để p/h thực hiện);
- Lưu: VT, NVD.



PHỤ LỤC 1: PHẠM VI VÀ TIỀN ĐỘ CUNG CẤP THUỐC CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ
(Kèm theo công văn số 150/TTMS-NVD ngày 07/6/2018 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

ST	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế, Đường	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Tiền độ cung cấp								Thành tiền (VNĐ)	Mã cơ sở y tế	Mã tỉnh	Cơ sở y tế	Tỉnh/Thành phố									
														Quý III/2018	Quý IV/2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Quý I/2020	Quý II/2020						Tổng cộng								
KHU VỰC MIỀN BẮC														55.500	55.800	57.000	56.800	62.810	64.110	64.110	63.910	480.040													
1	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	3.000	3.000	3.000	3.000	4.500	4.500	4.500	4.500	30.000	357.000.000	24279	00008	BV UB Bắc Giang	Bắc Giang								
2	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	0	0	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	7.200	357.000.000	06001	00009	BV đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn								
3	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	12.000	142.800.000	01043	00002	Bệnh viện 19-8	Hà Nội								
4	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	700	700	700	700	700	700	700	700	5.600	66.640.000	01016	00002	Bệnh viện Quân y 103	Hà Nội								
5	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	2.000	2.000	2.000	2.000	2.500	2.500	2.500	2.500	18.000	214.200.000	01929	00002	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội								
6	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	5.000	5.000	5.000	5.000	6.000	6.000	6.000	6.000	44.000	523.600.000	01934	00002	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội								
7	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	2.500	2.500	2.500	2.500	3.000	4.000	4.000	4.000	25.000	297.500.000	01007	00002	Bệnh viện E	Hà Nội								
8	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	200.000	2.380.000.000	01906	00002	Bệnh viện K	Hà Nội								
9	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	7.000	7.000	7.000	7.000	8.000	8.000	8.000	8.000	60.000	714.000.000	31153	00003	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	Hải Phòng								
10	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	450	450	450	450	500	500	500	500	3.800	45.220.000	31031	00003	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng								
11	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	800	800	800	900	900	900	900	1.000	7.000	83.300.000	17001	00031	BVĐK Tỉnh Hoà Bình	Hoà Bình								
12	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	300	300	300	300	500	500	500	500	3.200	38.080.000	36001	00041	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Nam Định	Nam Định								
13	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	2.200	2.500	2.500	2.200	2.500	2.800	2.800	2.500	20.000	238.000.000	25001	00045	BVĐK Tỉnh	Phú Thọ								
14	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	23.800.000	19013	00056	BV C Thái Nguyên	Thái Nguyên								
15	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	4.800	4.800	4.800	4.800	5.760	5.760	5.760	5.760	42.240	502.656.000	26001	00063	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Vinh Phúc								
KHU VỰC MIỀN TRUNG														5.060	6.280	6.910	6.610	6.960	7.480	7.700	7.660	54.660													
16	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	2.260	2.830	2.960	3.110	3.210	3.380	3.550	3.710	25.010	297.619.000	52001	00013	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Bình Định								
17	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	0	0	500	500	500	500	500	500	3.000	35.700.000	49005	00048	Bệnh viện đa khoa khu vực	Quảng Nam								
18	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	300	450	450	500	500	600	650	700	4.150	49.385.000	49004	00048	Bệnh viện đa khoa miền núi phía bắc Quảng Nam	Quảng Nam								
19	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	95.200.000	49013	00048	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam								
20	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	1.500	2.000	2.000	1.500	1.750	2.000	2.000	1.750	14.500	172.550.000	38744	00057	Bệnh viện Ung bướu	Thanh Hoá								
KHU VỰC MIỀN NAM														165.960	165.990	184.050	182.070	210.845	211.865	220.905	217.965	1.559.650													
21	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	0	0	18.000	16.000	20.000	21.000	25.000	22.000	122.000	1.451.800.000	92086	00018	Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ	Cần Thơ								
22	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	20.000	20.000	130.000	1.547.000.000	92000	00018	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ								
23	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	2.500	2.500	2.500	2.500	3.000	3.000	3.000	3.000	22.000	261.800.000	92115	00018	Bệnh viện Trường ĐHY Dược Cần Thơ	Cần Thơ								
24	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	37.500	37.500	37.500	37.500	45.000	45.000	45.000	45.000	330.000	3.927.000.000	75001	00023	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Đồng Nai								
25	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	2.000	2.000	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000	3.000	20.000	238.000.000	93001	00030	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Hầu Giang								
26	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	420	420	420	420	600	600	600	600	4.080	48.552.000	94001	00052	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Sóc Trăng								
27	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	90	120	180	200	180	200	240	300	1.510	17.969.000	79011	00005	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh								
28	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	575	575	575	575	690	690	690	690	5.060	60.214.000	79025	00005	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh								
29	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	67.500	67.500	67.500	67.500	71.000	71.000	71.000	71.000	554.000	6.592.600.000	79048	00005	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh								
30	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	40.000	40.000	40.000	40.000	52.000	52.000	52.000	52.000	368.000	4.379.200.000	79431	00005	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	TP. Hồ Chí Minh								
31	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao	Hộp 10 vỉ x 10	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmac	Án Độ	Viên	11.900	375	375	375	375	375	375	375	375	3.000	35.700.000	84001	00060	Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh								
TỔNG CỘNG:														226.520	228.070	247.960	245.480	280.615	283.455	292.715	289.535	2.094.350	24.922.765.000												



BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
Số: 137/TB-TTMS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2018

**THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU
VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG**

Kính gửi: Công ty TNHH phân phối liên kết Quốc tế

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TTMS ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (gọi tắt là Trung tâm MSTTQG) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 - Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc, Trung tâm MSTTQG xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao Thỏa thuận khung cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu số 01- Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc với giá hợp đồng là 24.856.125.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bốn tỉ, tám trăm năm mươi sáu triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn*) với thời gian thực hiện hợp đồng là 24 tháng (từ 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2020) (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện Thỏa thuận khung: trước ngày 07/6/2018, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Bộ Y tế, số 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.

- Thời gian ký kết thỏa thuận khung: trước ngày 08/6/2018, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Bộ Y tế, số 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, gửi kèm theo Dự thảo Thỏa thuận khung.

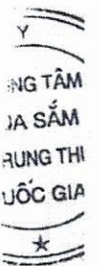
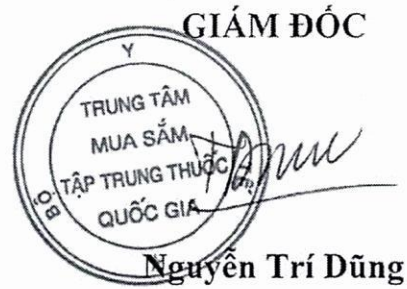
Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ thỏa thuận khung. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung theo yêu cầu nêu trên. Đồng thời, nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.



Nếu đến quá thời gian được nêu ở trên mà Nhà thầu không đến tiến hành hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu. *Quu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Giám đốc (để phối hợp);
- Lưu: VT, NVD, NVĐT.



BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 137/TB-TTMS ngày 01 tháng 6 năm 2018)

Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH phân phối liên kết Quốc tế													
Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	11.900	2.088.750	24.856.125.000
Tổng cộng: 01 khoản (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỉ, tám trăm năm mươi sáu triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn)													



TĐM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2018

THỎA THUẬN KHUNG

Số: 01/TTK-TTMS-LKQT

**V/v cung cấp thuốc thuộc Gói thầu số 01 - Mua thuốc Capecitabin 500mg
nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-BYT ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTMS ngày 26/3/2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu số 01 Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TTMS ngày 28/5/2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 - Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung số 137/TB-TTMS ngày 01/6/2018 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia,

Căn cứ công văn số 138/TTMS-NVD ngày 01/6/2018 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc điều chỉnh số lượng thuốc của Gói thầu số 01 - Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc;

Căn cứ văn bản số 0604/2018/CV-ILD ngày 04/6/2018 của Công ty TNHH Phân phối liên kết Quốc tế về việc thống nhất điều chỉnh số lượng thuốc của Gói thầu số 01 - Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-TTMS ngày 04/6/2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung số lượng và phạm vi cung cấp thuốc thuộc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 -



Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Hôm nay, ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây viết tắt là Trung tâm MSTTQG)
- Đại diện: Ông Nguyễn Trí Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 6273 2383

II. Nhà thầu cung cấp thuốc

- Tên công ty: Công ty TNHH Phân phối liên kết Quốc tế
- Giấy đăng ký kinh doanh: 0310349425 (thay đổi lần thứ 19, ngày 03 tháng 05 năm 2018)
- Mã số thuế: 0310349425
- Đại diện: Ông Trần Quốc Hưng
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ công ty: 134 Bạch Đằng, phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Điện thoại: 028 35473030

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01- Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc, cụ thể như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là mặt hàng thuốc trúng thầu theo Quyết định số 14/QĐ-TTMS ngày 04/6/2018 của Trung tâm MSTTQG theo số lượng phân bổ cho các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc.
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2020 quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm thuộc Gói thầu số 01 - Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với các cơ sở y tế không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTQG phê duyệt về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc”.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.


TOMU

RI
M
PT
/C

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

6. Trách nhiệm của nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm MSTTQG để cung cấp các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu.

- Ký hợp đồng và đảm bảo cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế theo số lượng đã phân bổ trước ngày 01/7/2018. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng với các cơ sở y tế và Trung tâm MSTTQG mỗi nơi 1 bản gốc hợp đồng đã ký.

- Đảm bảo cơ số tồn kho đáp ứng nhu cầu tối thiểu 01 tháng theo tiến độ cung cấp. Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTQG phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương VI và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ mời thầu (đính kèm các bản cam kết của nhà thầu);

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Báo cáo cho các Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng với các cơ sở y tế và Trung tâm MSTTQG về tình hình bán giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Trong trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu mua thêm không quá 20% số lượng đã được phân bổ và ký kết hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở y tế sau khi 2 bên ký kết các văn bản pháp lý về việc mua bổ sung. Nhà thầu có trách nhiệm gửi hồ sơ, tài liệu này báo cáo cho Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG.

- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương hoặc của các cơ sở y tế do Bộ Y tế quản lý cần thiết tăng/ giảm trên 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở y tế thực hiện việc điều chuyển tăng/giảm theo quy trình của Trung tâm MSTTQG đã ban hành.

7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế

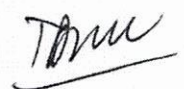
- Hoàn thiện, ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu và đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị trước ngày 01/7/2018 theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTQG phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2020.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh, thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Báo cáo cho Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng/ y tế các bộ ngành để tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG; riêng đối với các cơ sở y tế cấp Trung ương báo cáo trực tiếp Trung tâm MSTTQG về các nội dung sau:





+ Số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện định kỳ 3 tháng 1 lần và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

+ Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong thỏa thuận khung.

- Trong trường hợp cần thiết, các cơ sở y tế có thể mua tăng thêm nếu sử dụng hết số lượng thuốc đã được phân bổ trong thỏa thuận khung ở tất cả các nhóm, nhưng không được vượt quá 20% số lượng đã được phân bổ. Việc mua tăng thêm số lượng thuốc được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 28, Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế và theo quy trình của Trung tâm MSTTQG đã ban hành.

- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế địa phương/ cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành tại địa phương hoặc các cơ sở y tế trực thuộc Trung ương tăng/ giảm trên 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì phải có đề xuất cụ thể số lượng cần mua thêm báo cáo về Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng hoặc Trung tâm MSTTQG để tổng hợp và điều tiết số lượng thuốc giữa các cơ sở y tế thuộc địa bàn địa phương cũng như toàn quốc theo quy trình của Trung tâm MSTTQG đã ban hành. Riêng đối với cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành thực hiện việc báo cáo đồng thời về Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương và Y tế Bộ, ngành quản lý.

8. Trách nhiệm của các Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương (Đơn vị MSTTĐP)

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 32 của Thông tư số 11/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ 3 tháng 1 lần và đột xuất về Trung tâm MSTTQG về số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện của các cơ sở y tế địa phương và cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn.

- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/ cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành trên địa bàn với Trung tâm MSTTQG để giải quyết.

- Phối hợp với Trung tâm MSTTQG trong việc điều tiết việc thực hiện kế hoạch của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 31, Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế.

- Khi cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng tăng/ giảm trên 20% số lượng được phân bổ và trong phạm vi địa phương, Đơn vị MSTTĐP các tỉnh, thành phố thực hiện chức năng điều tiết trên địa bàn, hướng dẫn các cơ sở y tế và nhà thầu cung cấp thuốc tiến hành ký hợp đồng/ phụ lục hợp đồng. Đồng thời có báo cáo gửi về Trung tâm MSTTQG ngay sau khi thực hiện điều tiết trên địa bàn.

Handwritten mark

Handwritten signature

- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương, của các cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn trên 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG để thực hiện điều tiết số lượng thuốc giữa các địa phương, các cơ sở y tế của Trung ương trên toàn quốc theo quy trình của Trung tâm MSTTQG đã ban hành.

9. Trách nhiệm của Trung tâm MSTTQG

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/ y tế các ngành và cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

- Phối hợp với nhà thầu và các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/ y tế các bộ ngành để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế.

- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: Kể từ ngày ký đến hết ngày 30/6/2020.

11. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.



Trần Quốc Hưng



Nguyễn Trí Dũng

1
A
HUỐC
A

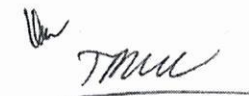
BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC TỔNG HỢP THUỐC CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 01/TTK-TTMS-LKQT ký ngày 04/6/2018)

Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH phân phối liên kết Quốc tế													
Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)
A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	24 tháng	VN2-492-16	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	11.900	2.094.350	24.922.765.000



PHỤ LỤC 2: PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP THUỐC CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 01/TTK-TTMS-LKQT ký ngày 04/6/2018)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Tiến độ cung cấp								Thành tiền (VND)	Cơ sở y tế	Tỉnh/Thành phố	
							Quý III/2018	Quý IV/2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Quý I/2020	Quý II/2020				Tổng cộng
KHU VỰC MIỀN BẮC							55.500	55.800	57.000	56.800	62.810	64.110	64.110	63.910	480.040			
1	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	3.000	3.000	3.000	3.000	4.500	4.500	4.500	4.500	30.000	357.000.000	BV Ung bướu Bắc Giang	Bắc Giang
2	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	0	0	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	7.200	85.680.000	BV đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn
3	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	12.000	142.800.000	Bệnh viện 19-8	Hà Nội
4	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	700	700	700	700	700	700	700	700	5.600	66.640.000	Bệnh viện Quân y 103	Hà Nội
5	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	2.000	2.000	2.000	2.000	2.500	2.500	2.500	2.500	18.000	214.200.000	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội
6	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	5.000	5.000	5.000	5.000	6.000	6.000	6.000	6.000	44.000	523.600.000	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội
7	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	2.500	2.500	2.500	2.500	3.000	4.000	4.000	4.000	25.000	297.500.000	Bệnh viện E	Hà Nội
8	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	200.000	2.380.000.000	Bệnh viện K	Hà Nội
9	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	7.000	7.000	7.000	7.000	8.000	8.000	8.000	8.000	60.000	714.000.000	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	Hải Phòng
10	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	450	450	450	450	500	500	500	500	3.800	45.220.000	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng
11	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	800	800	800	900	900	900	900	1.000	7.000	83.300.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hoà Bình	Hoà Bình
12	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	300	300	300	300	500	500	500	500	3.200	38.080.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Nam Định	Nam Định
13	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	2.200	2.500	2.500	2.200	2.500	2.800	2.800	2.500	20.000	238.000.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ
14	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	23.800.000	Bệnh viện C Thái Nguyên	Thái Nguyên
15	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	4.800	4.800	4.800	4.800	5.760	5.760	5.760	5.760	42.240	502.656.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
KHU VỰC MIỀN TRUNG							5.060	6.280	6.910	6.610	6.960	7.480	7.700	7.660	54.660			
16	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	2.260	2.830	2.960	3.110	3.210	3.380	3.550	3.710	25.010	297.619.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bình Định	Bình Định
17	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	0	0	500	500	500	500	500	500	3.000	35.700.000	Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam	Quảng Nam
18	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	300	450	450	500	500	600	650	700	4.150	49.385.000	Bệnh viện đa khoa miền núi phía bắc Quảng Nam	Quảng Nam
19	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	95.200.000	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam
20	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	1.500	2.000	2.000	1.500	1.750	2.000	2.000	1.750	14.500	172.550.000	Bệnh viện Ung bướu Tỉnh Thanh Hoá	Thanh Hoá

Thư

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Tiền độ cung cấp								Thành tiền (VNĐ)	Cơ sở y tế	Tỉnh/Thành phố	
							Quý III/2018	Quý IV/2018	Quý I/2019	Quý II/2019	Quý III/2019	Quý IV/2019	Quý I/2020	Quý II/2020				Tổng cộng
KHU VỰC MIỀN NAM							165.960	165.990	184.050	182.070	210.845	211.865	220.905	217.965	1.559.650			
21	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	0	0	18.000	16.000	20.000	21.000	25.000	22.000	122.000	1.451.800.000	Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ	Cần Thơ
22	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	20.000	20.000	130.000	1.547.000.000	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ
23	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	2.500	2.500	2.500	2.500	3.000	3.000	3.000	3.000	22.000	261.800.000	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ
24	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	37.500	37.500	37.500	37.500	45.000	45.000	45.000	45.000	330.000	3.927.000.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai
25	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	2.000	2.000	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000	3.000	20.000	238.000.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
26	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	420	420	420	420	600	600	600	600	4.080	48.552.000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng
27	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	90	120	180	200	180	200	240	300	1.510	17.969.000	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh
28	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	575	575	575	575	690	690	690	690	5.060	60.214.000	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh
29	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	67.500	67.500	67.500	67.500	71.000	71.000	71.000	71.000	554.000	6.592.600.000	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh
30	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	40.000	40.000	40.000	40.000	52.000	52.000	52.000	52.000	368.000	4.379.200.000	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	TP. Hồ Chí Minh
31	A04N2	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên	11.900	375	375	375	375	375	375	375	375	3.000	35.700.000	Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh
TỔNG CỘNG:							226.520	228.070	247.960	245.480	280.615	283.455	292.715	289.535	2.094.350	24.922.765.000		

Handwritten signature: TDMC

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾**(Mua bán thuốc giữa các cơ sở y tế và nhà thầu trúng thầu)**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

- Căn cứ Thỏa thuận khung số

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Thư Chấp thuận Hồ sơ dự thầu và thông báo trao hợp đồng
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Thỏa thuận khung ký kết giữa Trung tâm MSTT quốc gia và nhà thầu
7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 16.1

ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ [*ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.3 BDL, HSĐT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ __ bộ, nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
1											
2											
3											
...											
Tổng cộng giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)											

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục 5. ĐIỀU KIỆN CHUNG VÀ ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận;1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;1.8. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	<p>Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none">2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;2.2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;2.4. ĐKCT;2.5. ĐKC;2.6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu;2.7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);

	2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT .
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong ĐKCT , Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT . 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT . 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT .
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT .
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

	8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT .
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT . 12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT . Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số

	<p>tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
16. Bản quyền	<p>Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 17.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	<p>Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương VI – Phạm vi cung cấp.</p>
19. Đóng gói thuốc	<p>Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.</p>

<p>20. Bảo hiểm</p>	<p>Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.</p>
<p>21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</p>	<p>Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT.</p>
<p>22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc</p>	<p>22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT.</p> <p>22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.</p>
<p>23. Bồi thường thiệt hại</p>	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.</p>
<p>24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc</p>	<p>24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc.</p> <p>24.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại ĐKCT.</p>
<p>25. Bất khả kháng</p>	<p>25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa</p>

	<p>hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p>26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</p>	<p>26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuộc trưng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>26.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
<p>27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà</p>

	<p>không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>28. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>28.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT. <p>28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

ĐKC 1.1	Bên mua: Các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc (<i>Danh sách đính kèm</i>)
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
ĐKC 1.9	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: Kho dự trữ của các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc (có danh sách đính kèm)
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none">- Hợp đồng và các phụ lục kèm theo- Thư Chấp thuận Hồ sơ dự thầu và thông báo trao hợp đồng- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu- Điều kiện cụ thể của hợp đồng- Điều kiện chung của hợp đồng- Bảng giá chào của nhà thầu- Thỏa thuận khung ký kết giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia và nhà thầu.
ĐKC 4	Bên mua <i>có thể</i> ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Bên mua theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Địa chỉ: Điện thoại Fax: Địa chỉ email:
ĐKC 6.1	Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo lãnh của Ngân hàng <ul style="list-style-type: none">- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Theo hình thức Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 17 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng).- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp

	<p>đồng là 3% giá trị hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực (24 tháng) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả trong vòng 20 ngày sau khi thanh lý toàn bộ hợp đồng hoặc thanh lý từng phần của hợp đồng theo Hợp đồng cụ thể ký giữa cơ sở y tế và nhà cung cấp.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT.</i>
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ : Không
ĐKC 8.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Khi phát sinh tranh chấp, bên yêu cầu giải quyết tranh chấp gửi văn bản đề nghị giải quyết tranh chấp đến Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia. Thời gian giải quyết tranh chấp là 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp.</p>
ĐKC 10	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa đơn bán hàng theo quy định. - Phiếu báo lô và phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng. - Trong trường hợp hóa đơn bán hàng đã bao gồm thông tin về lô và hạn sử dụng của lô hàng thì không yêu cầu phiếu báo lô rời kèm theo. <p>Cơ sở y tế phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi tiếp nhận thuốc, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.</p>
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: <i>theo đơn giá cố định</i>
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: <i>___ [ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng].</i>
ĐKC 13	<p>Điều chỉnh đơn giá hợp đồng: Không áp dụng</p> <p>Điều chỉnh khối lượng hợp đồng: Tăng hoặc giảm không quá 20%</p>
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: không được phép

<p>ĐKC 15.1</p>	<p>Phương thức thanh toán: Việc thanh toán giá trị thuốc được thực hiện giữa các cơ sở y tế trên toàn quốc và nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định hiện hành. - Điều kiện thanh toán: Chi phí thuốc được xem là đủ điều kiện thanh toán khi thuốc đã được giao đủ cho cơ sở y tế, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. - Thời hạn thanh toán: việc thanh toán chi phí thuốc giữa các cơ sở y tế và nhà thầu là trong vòng không quá 90 ngày kể từ ngày bên mua nhận đủ số lượng thuốc và bên bán cung cấp đủ các chứng từ hợp lệ theo quy định.
<p>ĐKC 19</p>	<p>Đóng gói thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc phải được đóng gói, bảo quản theo đúng quy cách và yêu cầu của nhà sản xuất theo đúng danh mục ghi trong hợp đồng; - Thuốc phải được đóng gói đúng yêu cầu (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chẵn kiện); còn nguyên nhãn, mác (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng. - Với các thuốc lẻ (không đủ điều kiện đóng thùng) nhà thầu cần đóng gói theo đúng các nguyên tắc GDP khi giao nhận, vận chuyển.
<p>ĐKC 20</p>	<p>Nội dung bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường các mất mát, tổn thất, hỏng, vỡ trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng. - Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hại đến người bệnh do sử dụng thuốc của nhà thầu cung cấp thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường về vật chất và tinh thần cho người bệnh theo sự thỏa thuận giữa cơ sở y tế, nhà thầu với người bệnh.
<p>ĐKC 21</p>	<p>Yêu cầu về vận chuyển thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc phải được giao tại Kho dược của các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc (Bảng 3). - Các các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc thỏa thuận cụ thể theo hợp đồng mua bán thuốc với nhà thầu về địa chỉ và những điều khoản khác (nếu có) trong giao nhận hàng hóa. - Các yêu cầu khác: <p>Thuốc phải được vận chuyển theo đúng điều kiện vận chuyển, bảo quản và phải đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, tránh đổ, vỡ, hư hỏng. Trong trường hợp thuốc do nhà thầu cung cấp không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, không đạt chất lượng, thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm thu hồi và cung cấp lại thuốc đạt kỹ thuật, chất lượng theo nội dung thông tin HSĐT và yêu cầu của HSMT.</p>

<p>ĐKC 22.1</p>	<p>Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: Bên mua hoặc đại diện của bên mua có quyền kiểm tra để khẳng định thuốc có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng hay không.</p> <p>Nội dung, thời gian địa điểm kiểm tra, cách thức tiến hành kiểm tra trong quá trình giao nhận thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiểm tra: kiểm tra chi tiết từng mặt hàng về chủng loại, số lượng, chất lượng thuốc theo đúng các quy định về chuyên môn dược và các yêu cầu liên quan đến đặc tính kỹ thuật của thuốc nêu trong hợp đồng. - Thời gian kiểm tra: Tại thời điểm giao, nhận hàng. - Địa điểm kiểm tra: Kho của Bên mua. - Cách thức tiến hành kiểm tra: Theo đúng các quy định về kiểm nhập thuốc hiện hành
<p>ĐKC 23</p>	<p>Mức khấu trừ: 0,1% giá trị trúng thầu cho mỗi ngày chậm tiến độ. Mức khấu trừ tối đa: 8%</p>
<p>ĐKC 24.1</p>	<p>Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: không yêu cầu</p>
<p>ĐKC 24.2</p>	<p>Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: <ul style="list-style-type: none"> + Trong vòng 05 ngày phát hiện, cơ sở y tế hoặc bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc; + Nhà thầu phải đề xuất phương án tiến hành khắc phục thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc bên mua trong vòng 48 giờ; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc.
<p>ĐKC 26.1 (đ)</p>	<p>Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:</p> <p>Trong trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình đấu thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu, Bên mua có thể xem xét để nhà thầu thay thế thuốc, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi số đăng ký do thực hiện thủ tục đăng ký lại hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu mới nhưng các thông tin khác không thay đổi

	<p>(tên thuốc, nhà sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tuổi thọ, phân nhóm thuốc dự thầu).</p> <p>- Thay đổi liên quan đến tên thuốc, tên nhà máy sản xuất, quy cách đóng gói trong quá trình lưu hành có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước, nhưng số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu không thay đổi.</p> <p>Trong trường hợp thay thế thuốc, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: bản sao (có dấu xác nhận của nhà thầu) Giấy phép lưu hành sản phẩm (MA) hoặc Giấy chứng nhận sản phẩm dược (CPP), các công văn cho phép thay đổi, bổ sung của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có), mẫu nhãn hoặc Tờ hướng dẫn sử dụng có dấu xác nhận của cơ quan cấp phép và thuyết minh về tiêu chuẩn chất lượng không thay đổi của thuốc dự thầu, thuốc đề xuất thay thế.</p>
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Không yêu cầu.
ĐKC 28.1 (d)	Các hành vi khác: Không yêu cầu.